

Số: /QĐ-ĐMST

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán và tình hình thực hiện dự toán
ngân sách nhà nước 09 tháng năm 2025**

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-BKHCN ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Quyết định số 3463/QĐ-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao dự toán chi NSNN năm 2025 cho các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 191/QĐ-BKHCN ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao dự toán chi NSNN năm 2025 cho các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-BKHCN ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao số tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm từ năm 2025 từ kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của Cục Đổi mới sáng tạo để thực hiện chính sách cải cách tiền lương;

Căn cứ Quyết định số 1230/QĐ-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo và Cục Đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Quyết định số 1240/QĐ-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 giữa Văn phòng Bộ, Cục An toàn bức xạ hạt nhân và Cục Đổi mới sáng tạo thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1447/QĐ-BKHCN ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 để thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 2270/QĐ-BKHCN ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 từ Văn phòng Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ sang Cục Đổi mới sáng tạo và Cục Thông tin, Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 2305/QĐ-BKHCN ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 để thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 2337/QĐ-BKHCN ngày 24 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 để thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP (đợt 3);

Căn cứ Quyết định số 2495/QĐ-BKHCN ngày 01 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các nhiệm vụ xây dựng Dự án Luật;

Căn cứ Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 từ Văn phòng Bộ sang Cục Công nghiệp Công nghệ thông tin, Cục Đổi mới sáng tạo, Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2816/QĐ-BKHCN ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao số tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Cục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán và tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 09 tháng năm 2025 của Cục Đổi mới sáng tạo (theo các biểu đính kèm).

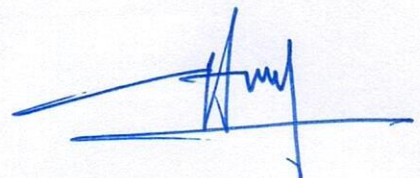
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng (để b/c);
- Vụ KHTC;
- Lưu: VT, VP.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Phạm Việt Hồng

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC 9 THÁNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐMST ngày tháng năm 2025 của Cục trưởng Đổi mới sáng tạo)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục	Trung tâm Thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ	Trung tâm Hỗ trợ Đổi mới sáng tạo
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	41.149,51	41.149,51	21.451,51	11.826,95	7.871,05
I	Nguồn ngân sách trong nước	41.149,51	41.149,51	21.451,51	11.826,95	7.871,05
1	Chi quản lý hành chính	19.940,51	19.940,51	19.940,51		
1.1	Lương và các khoản tính theo lương	7.939,03	7.939,03	7.939,03		
1.2	Định mức phân bổ chi hành chính theo đầu biên chế được giao	2.583,00	2.583,00	2.583,00		
	Trong đó: Tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương	20,00	10,00	20,00		
1.3	Nhiệm vụ Xây dựng dự án Luật sử đổi, bổ sung một số Điều của Luật Chuyển giao công nghệ	2.340,00	2.340,00	2.340,00		
1.4	Tinh giản biên chế	281,00	281,00	281,00		
1.5	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và 67/2025/NĐ-CP	4.368,40	4.368,40	4.368,40		
1.6	Quỹ tiền thưởng	624,09	624,09	624,09		
1.7	Mua ô tô	1.600,00	1.600,00	1.600,00		
1.8	Nhiệm vụ không thường xuyên: Triển khai hoạt động của Hội đồng điều phối vùng và Tổ điều phối vùng nhằm phối hợp giải quyết các vấn đề liên kết vùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ KH&CN	155,00	155,00	155,00		
1.9	Nhiệm vụ mua sắm dịch vụ sửa chữa	50,00	50,00	50,00		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	18.499,00	18.499,00	1.511,00	9.900,95	7.087,05
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	1.840,00	1.840,00	200,00	1.290,00	350,00
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					

(Chữ ký)

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục	Trung tâm Thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ	Trung tâm Hỗ trợ Đổi mới sáng tạo
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	980,00	980,00	200,00	780,00	0,00
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	860,00	860,00		510,00	350,00
2.2	Kinh phí thường xuyên	5.095,20	5.095,20	961,00	1.792,15	2.342,05
	Hỗ trợ kinh phí thường xuyên	3.753,54	3.753,54		1.625,19	2.128,34
	- Trong đó: Tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương	23,30	23,30		13,30	10,00
	Quỹ tiền thưởng	380,66	380,66		166,96	213,71
	Quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia	961,00	961,00	961,00		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	11.563,80	11.563,80	350,00	6.818,80	4.395,00
2.3.1	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và 67/2025/NĐ-CP	3.809,80	3.809,80		3.809,80	
2.3.2	Kinh phí hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	1.500,00	1.500,00		1.000,00	500,00
2.3.3	Nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao	5.904,00	5.904,00		2.009,00	3.895,00
2.3.4	Hợp tác quốc tế	350,00	350,00	350,00		
	Đoàn ra	250,00	250,00	250,00		
	Đoàn vào	25,00	25,00	25,00		
	Hội nghị, hội thảo quốc tế	75,00	75,00	75,00		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.147,00	1.147,00		733,00	414,00
3.1	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	1.147,00	1.147,00		733,00	414,00
4	Chi hoạt động kinh tế	1.563,00	1.563,00		1.193,00	370,00
4.1	Hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	1.083,00	1.083,00		1.083,00	0,00
4.2	Quản lý, vận hành, duy trì mạng lưới tư vấn viên; đào tạo, bồi dưỡng phát triển mạng lưới tư vấn viên	110,00	110,00		110,00	
4.3	Cải cách tiền lương	370,00	370,00			370,00

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐMST ngày tháng 10 năm 2025
của Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Cục Đổi mới sáng tạo công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 9 tháng năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	41.149,51	15.024,88	36,51%	71,12%
I	Nguồn ngân sách trong nước	41.149,51	15.024,88	36,51%	71,12%
1	Chi quản lý hành chính	19.940,51	10.299,61	51,65%	82,71%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	12.842,03	5.931,28	46,19%	73,89%
1.2	Kinh phí tiết kiệm để cải cách tiền lương	20,00	-		
1.3	Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế	281,00	-		
1.4	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và 67/2025/NĐ-CP	4.368,40	4.368,33		
1.5	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng	624,09	-		
1.6	Kinh phí mua ô tô	1.600,00	-		
1.7	Nhiệm vụ không thường xuyên: Triển khai hoạt động của Hội đồng điều phối vùng và Tổ điều phối vùng nhằm phối hợp giải quyết các vấn đề liên kết vùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ KH&CN	155,00			
1.8	Nhiệm vụ mua sắm dịch vụ sửa chữa	50,00			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	18.499,00	4.467,27	24,15%	354,61%
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	1.840,00	820,00	44,57%	213,33%
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	980,00	390,00	39,80%	185,62%
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	860,00	430,00	50,00%	93,60%
2.2	Kinh phí thường xuyên	5.095,20	2.969,15	58,27%	73,59%
	Hỗ trợ kinh phí thường xuyên	3.730,24	2.969,15	79,60%	

skc

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	380,66	-		
	<i>Kinh phí tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương</i>	23,30	-		
	<i>Kinh phí quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia</i>	961,00			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	11.563,80	678,12	5,86%	16,97%
2.3.1	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và 67/2025/NĐ-CP	3.809,80	3.809,70	100,00%	
2.3.2	Kinh phí hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	1.500,00	-		
2.3.3	Nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao	5.904,00	678,12	11,49%	
2.3.4	Hợp tác quốc tế	350,00	-		
	<i>Đoàn ra</i>	250,00			
	<i>Đoàn vào</i>	25,00			
	<i>Hội nghị, hội thảo quốc tế</i>	75,00			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.147,00	258,00	22,49%	22,53%
3.1	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	1.147,00	258,00		
4	Chi hoạt động kinh tế	1.563,00	-	0,00%	-
4.1	Hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	1.083,00			
4.2	Quản lý, vận hành, duy trì mạng lưới tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng phát triển mạng lưới tư vấn viên	110,00			
4.3	Kinh phí cải cách tiền lương	370,00			

Stk